

Số: 1620/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuốc generic (39 danh mục) thuộc dự án Cung cấp thuốc năm 2022 lần 5

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-BVĐHYD ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc năm 2022 lần 5;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 04/TTr-TCG ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuốc generic (39 danh mục) thuộc dự án Cung cấp thuốc năm 2022 lần 5 và Tổ Thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 04/BCTĐ-TTĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuốc generic (39 danh mục) thuộc dự án Cung cấp thuốc năm 2022 lần 5.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuốc generic (39 danh mục) dự án Cung cấp thuốc năm 2022 lần 5 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu và giá trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Số sản phẩm	Tổng trị giá (VND)
1	Công ty Cổ phần Dược- Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	6	1.088.514.000
2	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	4	3.121.472.500
3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA	7	818.191.100
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	1	13.376.000
5	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha	1	59.121.300
6	Công ty Cổ phần Pymepharco	1	372.400.000

7	Công ty cổ phần thương mại dược Hoàng Long	1	1.380.000.000
8	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt	1	54.054.000
9	Công ty cổ phần dược phẩm Hoàng Mai	1	212.500.000
10	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	2	434.497.500
11	Công ty cổ phần dược phẩm Thế giới mới	1	2.557.800.000
12	Công ty CPDP Thiết bị Y tế Hà Nội	2	314.297.900
13	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	2	26.007.520
14	Công ty TNHH Lynch Farma	1	34.320.000
15	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	3	799.670.000
16	Công ty TNHH Nhân Sinh	1	2.830.500.000
17	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Bách Khang	1	445.500.000
18	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Trần và Trung	1	88.560.000
Tổng:		37	14.650.781.820

- Tổng giá trị trúng thầu: 14.650.781.820 VND (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, tám trăm hai mươi đồng);

- Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan;

- Danh mục thuốc trúng thầu: theo phụ lục đính kèm.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; Nguồn quỹ bảo hiểm y tế;

Điều 2. Khoa Dược chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Khoa Dược và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, KD (B21-069-tthxuan) (6).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Bắc

Handwritten signature

PHỤ LỤC
DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

Gói thầu thuốc generic (39 danh mục) thuộc dự án Cung cấp thuốc năm 2022 lần 5
(Đính kèm Quyết định số: 1630/QĐ-BVĐHYD ngày 30/7/2022 của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM)

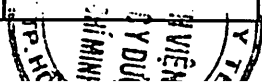
STT	Mã số trong HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	SDK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Giá bán buôn kê khai (VND)	Đơn giá (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)	
			Công ty Cổ phần Dược- Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (Bidiphar)						Số sản phẩm:	6						1.088.514.000	
1	1	1	Bocartin 150	Carboplatin	4	150mg/15ml	VD-21239-14	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ 15ml	Lọ	336.000	259.980	290	75.394.200
2	2	2	Bestdocel 20mg/1ml	Docetaxel	4	20mg	QLĐB-766-19	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ 1ml	Lọ	350.700	280.980	760	213.544.800
3	3	3	Canpaxel 30	Paclitaxel	4	30mg	VD-21631-14	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ 5 ml	Lọ	336.000	114.996	540	62.097.840
4	4	4	Bicefzidim 2g	Cefazidim (dưới dạng Cefazidim pentahydrat)	4	2g	VD-21983-14	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần Dược -Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	63.000	19.950	1.410	28.129.500
5	5	5	Lyoxstin 100 mg/20 ml	Oxaliplatin	4	100mg/20ml	QLĐB-593-17	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ 20ml	Lọ	915.000	389.991	620	241.794.420
6	6	6	Tazopelin 4,5g	Piperacillin + Tazobactam	4	4g + 0,5g	VD-20673-14	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột	Lọ	94.500	69.993	6.680	467.553.240
			Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2						Số sản phẩm:	4						3.121.472.500	
7	1	8	Aminosteril 10%	Acid amin	4	10%, 500ml	VD-19242-13	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 12 chai 500ml	Chai	115.000	77.000	2.140	164.780.000



Handwritten signature

STT	Mã số trong HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	SĐK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Giá bán buôn kê khai (VND)	Đơn giá (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
8	2	9	Vaminolact		Mỗi chai 100ml chứa: Alanin 630mg, Arginin 410mg, Acid aspartic 410mg, Cystein 100mg, Acid glutamic 710mg, Glycin 210mg, Histidin 210mg, isoleucin 310mg, Leucin 700mg, Lysin (dưới dạng monohydrat) 560mg, Methionin 130mg, Phenylalanin 270mg, Prolin 560mg, Serin 380mg, Taurin 30mg, Threonin 360mg, Tryptophan 140mg, Tyrosin 50mg, Valin 360mg	VN-19468-15	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Thùng 10 chai 100ml	Chai	135.500	127.000	1.100	139.700.000
9	3	10	Mircera		Methoxy polyethylene glycol-epoetin beta	SP3-1209-20	Tiêm	Dung dịch tiêm	CSSX: F. Hoffman-La Roche Ltd. CS đóng gói và xuất xưởng: Roche Diagnostics GmbH	CSSX: Thụy Sĩ CS đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn thuốc	Bơm tiêm	1.695.750	1.695.750	750	1.271.812.500
10	4	11	Gadovist		Gadobutrol	VN-22297-19	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bayer AG	Đức	Hộp 1 bơm tiêm chứa 5ml thuốc	Bơm tiêm	577.500	546.000	2.830	1.545.180.000
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA										Số sản phẩm:	7	818.191.100				
11	1	12	Fleet Enema		Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	VN-21175-18	Gel thực, dùng ngoài	Dung dịch thực trực tràng	C.B. Fleet Company Inc.	USA	Hộp 1 chai 133ml	Chai	59.200	57.000	6.450	367.650.000
12	2	13	Pethidine-hamein 50mg/ml		Pethidin HCl	VN-19062-15 (Quyết định 232/QĐ-QLD ngày 29/4/2022)	Tiêm	Dung dịch tiêm	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	Ống	18.000	17.850	300	5.355.000
13	3	14	Neostigmine-hamein 0,5mg/ml Injection		Neostigmine metilsulfate	VN-22085-19	Tiêm	Dung dịch tiêm	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	Ống	12.800	12.800	11.790	150.912.000
14	4	15	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		Morphin hydroclorid	VD-24315-16 (Công văn 4781/QLĐ-ĐK ngày 02/6/2022)	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 25 ống 1ml	Ống	7.000	6.993	1.700	11.888.100

STT	Mã số trong HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	SDK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Giá bán buôn kê khai (VND)	Đơn giá (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)	
15	5	16	Amiparen - 5	Acid amin	4	5% 500ml	VD-28286-17	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	Chai	93.752	65.090	2.500	162.725.000
16	6	17	Lactated Ringer's	Calci clorid; Kali clorid; Natri clorid; Natri lactat	4	Mỗi 500ml chứa (0,1g; 0,15g; 3g; 1,55g)	VD-25377-16	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	Chai	13.040	6.950	9.180	63.801.000
17	7	18	Opiphrine	Morphin (Dưới dạng Morphin sulphat 5H2O 10mg/ml)	1	10mg/ml	VN-19415-15 (Công văn 4781/QLĐ-ĐK ngày 02/6/2022)	Tiêm	Dung dịch tiêm	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	Ống	28.000	27.930	2.000	55.860.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1										Số sản phẩm:	1	13.376.000					
18	1	19	Ketamine Hydrochloride Injection	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCl)	1	500mg/10ml	VN-20611-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Đức	Hộp 25 lọ x 10ml	Lọ	65.360	60.800	220	13.376.000
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha										Số sản phẩm:	1	59.121.300					
19	1	20	Poximvid	Ceftazidim	4	1g	VD-19491-13	Tiêm	Thuốc tiêm bột	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Việt Nam	Hộp 10 lọ 1g	Lọ	36.000	9.870	5.990	59.121.300
Công ty Cổ phần Pymepharco										Số sản phẩm:	1	372.400.000					
20	1	21	Priminol	Milrinon	4	10mg/10ml	VD3-61-20	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 10 ống x 10 ml	Ống	1.320.000	980.000	380	372.400.000
Công ty cổ phần thương mại dược Hoàng Long										Số sản phẩm:	1	1.380.000.000					
21	1	22	Pentaglobin	Globulin miễn dịch người (IgM + IgA + IgG)	1	(6mg + 6mg +38mg/ml) 5% 50ml	QLSP-0803-14	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Cơ sở sản xuất: Biotest AG; Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH	Đức	Hộp 1 lọ 50ml	Lọ	5.750.000	5.750.000	240	1.380.000.000
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt										Số sản phẩm:	1	54.054.000					
22	1	23	Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	4	10mcg/0,5ml	QLVX-1043-17	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 0,5ml	Liều	49.500	45.045	1.200	54.054.000
Công ty cổ phần dược phẩm Hoàng Mai										Số sản phẩm:	1	212.500.000					
23	1	24	Carboplatin Sindan	Carboplatin	1	450mg/45ml	VN-11617-10	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dịch truyền tĩnh mạch	S.C.Sindan- Pharma SRL	Romania	Hộp 1 lọ 45mL	Lọ	1.000.000	850.000	250	212.500.000
Công ty CPDP Minh Dân										Số sản phẩm:	2	434.497.500					
24	1	25	Midantin	Amoxicilin + Acid clavulanic	4	1g + 0,2g	VD-25724-16 (CV gia hạn ngày 14/4/2022)	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 lọ loại dung tích 20ml	Lọ	28.500	28.250	1.830	51.697.500



Signature

STT		Mã số trong HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	SDK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Giá bán buôn kê khai (VND)	Đơn giá (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
25	2	26	Cepemid 1g	Imipenem + Cilastatin	4	500mg + 500mg	VD-26896-17 (CV gia hạn đến ngày 31/12/2022)	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 lọ loại dung tích 20ml	Lọ	104.000	52.800	7.250	382.800.000
			Công ty cổ phần dược phẩm Thế giới mới							Số sản phẩm:	1						2.557.800.000
26	1	27	Merovia	Meropenem (dưới dạng meropenem trihydrat)	1	1g	VN-22064-19	Tiêm, tiêm truyền	Bột pha tiêm	Remedina S.A.	Greece	Hộp 10 lọ	Lọ	210.000	88.200	29.000	2.557.800.000
			Công ty CPDP Thiết bị Y tế Hà Nội							Số sản phẩm:	2						314.297.900
27	1	28	Mannitol	D-Mannitol 20g/100ml	4	20%/250ml	VD-23168-15 kèm Công văn số 4781/QLĐ-ĐK ngày 2/6/2022	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai 250ml	Chai	21.000	18.900	530	10.017.000
28	2	29	Paracetamol Kabi 1000	Paracetamol 1000mg/100ml	4	1000mg/100ml	VD-19568-13 kèm Công văn số 4781/QLĐ-ĐK ngày 2/6/2022	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 100 ml, hộp 48 chai 100 ml	Chai	36.000	9.190	33.110	304.280.900
			Công ty CPDP Vĩnh Phúc							Số sản phẩm:	2						26.007.520
29	1	30	Vinzix	Furosemid	4	20mg/2ml	VD-29913-18	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vi x 5 ống x 2ml	Ống	3.100	712	21.910	15.599.920
30	2	31	Lidonalin	Lidocain hydroclorid + Adrenalin	4	36mg + 0,018mg/1,8ml	VD-21404-14	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 ống	Ống	4.830	4.410	2.360	10.407.600
			Công ty TNHH Lynch Farma							Số sản phẩm:	1						34.320.000
31	1	32	Antifix	Sắt (dưới dạng sắt sucrose 1710mg)	4	100mg/5ml	VD-27794-17	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	Ống	70.000	66.000	520	34.320.000
			Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương							Số sản phẩm:	3						799.670.000

STT	Mã số trong HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	SDK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Giá bán buôn kê khai (VND)	Đơn giá (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)	
32	2	34	Aminoplasma B.Braun 5% E	Isoleucine + Leucine + Lysine HCl + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Sodium Chloride + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	1	(0,625g + 1,1125g + 1,07g + 0,55g + 0,5875g + 0,525g + 0,2g + 0,775g + 1,4375g + 0,375g + 1,3125g + 1,5g + 0,7g + 0,9g + 0,6875g + 0,2875g + 0,1g + 0,34025g + 0,035g + 0,61325g + 0,241g + 0,127g + 0,89525g)/250ml	VN-18161-14 (Có QĐ gia hạn số 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	Chai	125.190	117.000	1.630	190.710.000
33	3	35	Gemapaxane	Enoxaparin natri	1	4000IU/0,4ml	VN-16312-13 (Có CV gia hạn số 6942/QLD-ĐK ngày 20/07/2022)	Tiêm	Dung dịch tiêm	Italfarmaco S.p.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	Bơm tiêm	70.000	70.000	8.480	593.600.000
34	4	36	Dịch truyền tĩnh mạch NaCl 0,45%	Natri clorid	4	2,25g/500ml	VD-32349-19	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Thùng 10 chai x 500ml	Chai	12.003	12.000	1.280	15.360.000
Công ty TNHH Nhân Sinh										Số sản phẩm:	1	2.830.500.000					
35	1	37	Bacsulfo 1g/0,5g	Cefoperazon + Sulbactam	2	1g + 0,5g	VD-33157-19	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	80.000	76.500	37.000	2.830.500.000
Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Bách Khang										Số sản phẩm:	1	445.500.000					
36	1	38	Viên nang cứng Natri Iodua (Na ¹³¹ I)	Natri Iodua (Na ¹³¹ I)	4	0,05-100 mCi/viên	QLĐB2-H12-20	Uống	Viên nang cứng	Trung tâm Nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ - Viện Nghiên cứu hạt nhân	Việt Nam	Bình chỉ chứa lọ thủy tinh chứa viên nang cứng	mCi	108.603	81.000	5.500	445.500.000
Công ty TNHH trang thiết bị y tế Trần và Trung										Số sản phẩm:	1	88.560.000					
37	1	39	Lignospan Standard	Lidocain HCl + Adrenalin tartrat	1	36mg + 18,13mcg	VN-16049-12	Tiêm	Dung dịch tiêm dùng trong nha khoa	Septodont	Pháp	Hộp 5 vi x 10 ống/1,8ml	Ống	12.822	12.300	7.200	88.560.000
Tổng:										Số sản phẩm:	37	14.650.781.820					

CHỖ CHỮ
CHỖ CHỮ

(Chữ ký)